

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 126

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Phở thịt heo nấu hành tây, su hào, xà lách búp, húng quế, hạt cà ri, hành lá, ngò gai
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt bò xào đậu cove, khổ qua tây, bông cải trắng, cần tây, nấm đùi gà
- Canh rau đay nấu cua đồng, hành lá, ngò rí
- Cải thìa luộc
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Bánh canh thịt gà nấu nấm rơm, củ cải, xà lách xoăn, giá, hành phi

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,700	3,140	53,380
2	0494	Đường cát	1,300	3,880	50,440
3	N0966	Muối Iot	900	740	6,660
4	0004	Gạo tẻ máy	7,200	2,560	184,320
5	0120	Hành lá (hành hoa)	350	5,360	18,760
6	0164	Rau mùi (ngò rí)	250	8,820	22,050
7	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	5,780	11,560
8	0185	Tỏi ta	100	7,350	7,350
9	0645	Bánh phở khô	2,200	8,800	193,600
10	N0770	Thịt nạc dăm	1,400	18,800	263,200
11	0178	Su hào	700	4,410	30,870
12	0121	Hành tây	600	3,570	21,420
13	0172	Rau xà lách	400	7,040	28,160
14	0158	Rau húng	150	11,870	17,805
15	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,410	9,615
16	N0861	Dầu màu điều	80	42,900	34,320
17	0286	Thịt bò loại II	3,200	36,750	1,176,000
18	0138	Mướp Nhật (khổ qua Tây)	400	3,780	15,120
19	0052	Đậu cô ve (hạt)	400	5,150	20,600
20	0100	Cần tây	150	6,510	9,765
21	0635	Nấm đùi gà	300	9,560	28,680
22	0152	Rau đay	2,600	4,620	120,120
23	0407	Cua đồng	1,200	19,430	233,160
24	0097	Cải thìa (cải trắng)	1,100	5,460	60,060

25	N0753	Bánh canh	7,100	2,860	203,060
26	N0772	Thịt ức gà	1,500	12,920	193,800
27	0211	Nấm rơm	400	13,130	52,520
28	0103	Củ cải trắng	600	2,730	16,380
29	0118	Giá đậu xanh	400	2,520	10,080
30	0457	Sữa bột toàn phần	3,965.34	20,500	812,895
31	0455	Sữa chua	6,300	9,440	594,720
32	0181	Bông cải trắng (súp lơ)	500	8,930	44,650
33	0098	Cải xanh	400	5,460	21,840
34	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,800	4,180	75,240
35	0686	Sữa tươi Vinamilk	330	6,000	19,800
Tổng cộng					4,662,000

Tổng tiền thực phẩm	4,662,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,661,999
Số dư đầu ngày	-1
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	81,215,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	81,215,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan